



PRONUNCIATION

/z/	/s/	/ɪz/
pens	books	watches

Cách phát âm âm đuôi “s” và “es”

/z/	dreams	drowns	sounds	sands
/s/	picks	proofs	laughs	maps
/ɪz/	pushes	dishes	buzzes	catches

- Đuôi “s” hoặc “es” được phát âm là /ɪz/ khi từ có tận cùng bằng các phụ âm gió /s/, /z/, /ʃ/, /ʒ/, /tʃ/, /dʒ/

- Đuôi “s” hoặc “es” được phát âm là /z/ khi từ có tận cùng bằng các phụ âm hữu thanh /b/, /d/, /g/, /v/, /ð/, /m/, /n/, /ŋ/, /l/, /r/ và các nguyên âm.

- Đuôi “s” hoặc “es” được phát âm là /s/ khi từ có tận cùng bằng các phụ âm vô thanh: /p/, /t/, /k/, /f/, /θ/.

PRACTICE

Task 1. Put the words into the correct columns.

rooms houses clothes lamps toilets beds tables
books fridges walls boxes classes baths parents
dishes plants villas sandwiches

/z/

.....

.....

.....

.....

.....

.....

/s/

.....

.....

.....

.....

.....

.....

/ɪz/

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Task 2: Choose the word which has the underlined part pronounced differently from the others.

- | | | | |
|------------------------|---------------------|---------------------|-------------------------------|
| 1. A. school <u>s</u> | B. shop <u>s</u> | C. pet <u>s</u> | D. cart <u>s</u> |
| 2. A. pen <u>s</u> | B. closet <u>s</u> | C. sweet <u>s</u> | D. lamp <u>s</u> |
| 3. A. ruler <u>s</u> | B. pencil <u>s</u> | C. bag <u>s</u> | D. book <u>s</u> |
| 4. A. match <u>e</u> s | B. mak <u>e</u> s | C. brush <u>e</u> s | D. peach <u>e</u> s |
| 5. A. form <u>s</u> | B. chair <u>s</u> | C. seat <u>s</u> | D. key <u>s</u> |
| 6. A. paper <u>s</u> | B. boss <u>e</u> s | C. brush <u>e</u> s | D. fox <u>e</u> s |
| 7. A. pig <u>s</u> | B. plant <u>s</u> | C. tabl <u>e</u> s | D. comput <u>e</u> r <u>s</u> |
| 8. A. beach <u>e</u> s | B. watch <u>e</u> s | C. sink <u>s</u> | D. lunch <u>e</u> s |

VOCABULARY

Task 1: Match the words to the correct pictures.

bedroom	cupboard	lamp	living room	chair
bathroom	kitchen	garage	sofa	wardrobe



1.....



2.....



3.....



4.....



5.....



6.....



7.....

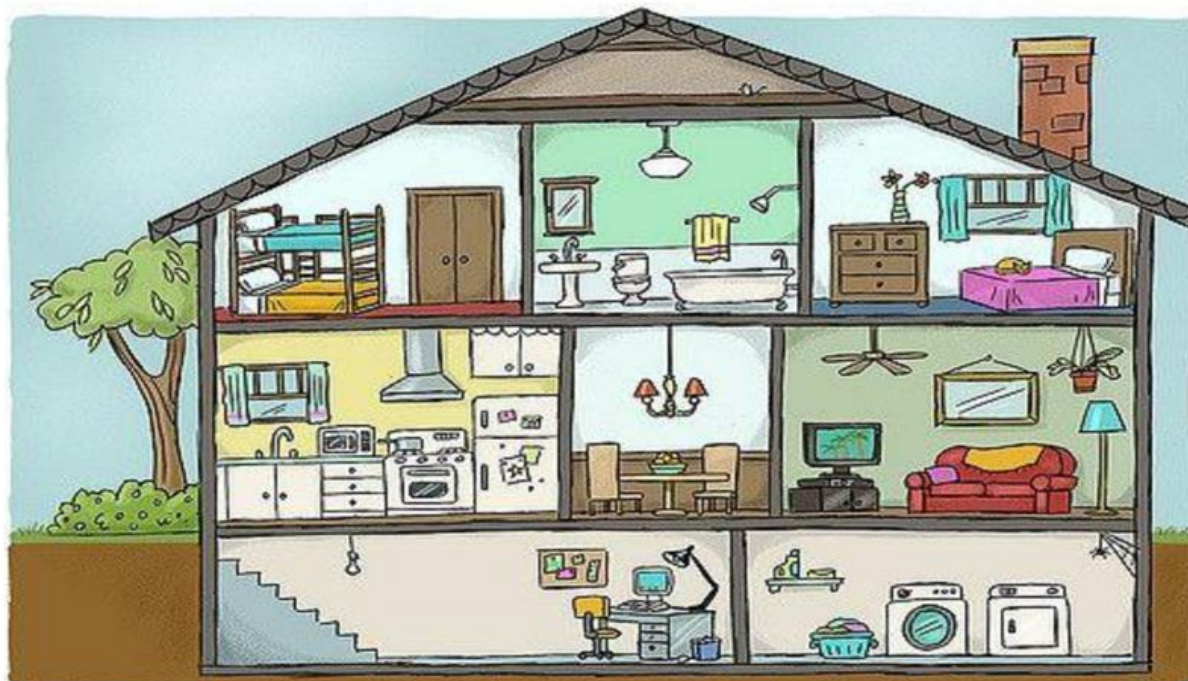


8.....

Task 2: Odd one out. (Chọn từ khác với những từ còn lại)

- | | | | |
|---------------|--------------|------------|----------------|
| 1. A. sink | B. table | C. chair | D. kitchen |
| 2. A. rubber | B. lamp | C. desk | D. table |
| 3. A. bedroom | B. classroom | C. kitchen | D. living room |
| 4. A. hall | B. sister | C. aunt | D. parents |
| 5. A. villa | B. castle | C. flat | D. shower |

Task 3: Complete the sentences with the correct prepositions from the box.



near above under in (3) on (3) next to (2) between behind

1. The trees are _____ the house.
2. The dining room is _____ the living room and the kitchen.
3. The kitchen sink is _____ the window.
4. The bath is _____ the bathroom.
5. The flower vase is _____ the chest of drawers.
6. The fridge is _____ the cooker.
7. The mirror is _____ the bathroom sink.
8. The television is _____ the cupboard _____ the sofa.
9. The microwave is _____ the counter _____ the kitchen.
10. The washing machine is _____ the dryer _____ the basement.